

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/4/2022

*“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - xin ly hôn, nuôi con”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Trường Chinh**.

- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Phan Quốc Tiến**,
2. Bà **Võ Thị Điệp**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Trần Ngọc Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc: *“Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Quang V**, năm sinh 1987;

- Bị đơn: Chị **Lê Lương Trúc G**, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã CD, huyện BM, tỉnh ĐT.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Quang V trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị G qua thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 12/11/2010. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn

nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh V yêu cầu được ly hôn với chị G.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Lê Nhã T, sinh ngày 11/8/2013; Nguyễn Lê Nhã H, sinh ngày 07/8/2015 và Nguyễn Lê Nhã U, sinh ngày 12/10/2020; hiện các con chung đang sống với chị G.

Theo đơn khởi kiện, anh V yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Lê Nhã T và Nguyễn Lê Nhã H; anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Anh V đồng ý để chị G được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Lê Nhã U, anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, anh V thay đổi yêu cầu khởi kiện về việc anh đồng ý giao các con chung Nguyễn Lê Nhã T, Nguyễn Lê Nhã H và Nguyễn Lê Nhã U cho chị Trúc G được trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không cấp dưỡng nuôi con chung do chị G không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị Lê Lương Trúc G trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời trình bày của anh V về việc vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2010 và việc vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc là do bất đồng quan điểm sống nên đã không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Tuy nhiên, chị G cho rằng vẫn còn tình cảm với anh V và có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Lê Nhã T, sinh ngày 11/8/2013; Nguyễn Lê Nhã H, sinh ngày 07/8/2015 và Nguyễn Lê Nhã U, sinh ngày 12/10/2020; hiện các con chung đang sống với chị. Trường hợp Tòa án quyết định cho ly hôn thì chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Lê Nhã Thư, Nguyễn Lê Nhã Hân và Nguyễn Lê Nhã Uyên; chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu chứng cứ gồm:** Bản sao Trích lục kết hôn; Bản sao giấy khai sinh các con chung gồm Nguyễn Lê Nhã Thư, Nguyễn Lê Nhã Hân và Nguyễn Lê Nhã Uyên. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được các đương sự thống nhất theo biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/02/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Quang V về việc ly hôn với chị Lê Lương Trúc G và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn chị **Lê Lương Trúc G** hiện đang cư trú tại xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Nguyên đơn anh Nguyễn Quang V vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị Lê Lương Trúc G vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

[2.2] Căn cứ Bản sao Trích lục kết hôn số 3073/2021/TLKH-BS ngày 05/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp thể hiện anh Nguyễn Quang V và chị Lê Lương Trúc G đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Nghĩa vào ngày 12/11/2010, đã có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị G là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên đương sự đoàn tụ gia đình, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng đã tạo điều kiện để vợ chồng có thời gian giải quyết mâu thuẫn để trở về chung sống với nhau. Tuy nhiên, anh V cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và không còn sống chung với nhau nên tình cảm vợ chồng cũng không còn, không thể đoàn tụ được; do đó, anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị G.

[2.4] Đối với bị đơn chị Lê Lương Trúc G cho rằng trong khoảng thời gian chung sống, vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nên đã không còn sống chung từ năm 2020 đến nay, trong khoảng thời gian không còn sống chung thì không ai chủ động hàn gắn tình cảm, vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong khoảng thời gian dài; chị G cho rằng vợ chồng có thể hàn gắn tình cảm, chị có thể thuyết phục anh V trở về chung sống với chị. Tại phiên hòa giải, Tòa án cũng đã tạo điều kiện để chị thuyết phục anh V trở về chung sống với chị nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, chị G trình bày vẫn chưa thuyết phục được anh V và chị cũng không có biện pháp nào để thuyết phục anh V. Tuy nhiên, chị G vẫn không đồng ý ly hôn với anh V.

[2.5] Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh V và chị G có tồn tại mâu thuẫn, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, không đạt được mục đích như quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo

dài. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của anh V về việc xin ly hôn với chị G là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh V và chị G thừa nhận có 03 con chung tên Nguyễn Lê Nhã Thư, sinh ngày 11/8/2013; Nguyễn Lê Nhã Hân, sinh ngày 07/8/2015 và Nguyễn Lê Nhã Uyên, sinh ngày 12/10/2020; hiện các con chung đang sống với chị G.

[3.1] Tại phiên tòa sơ thẩm, anh V đồng ý giao 03 con chung cho chị G được trực tiếp nuôi dưỡng, chị G cũng có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nhưng việc quyết định giao con chung cho bên nào được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay thì chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung, đảm bảo các con chung có điều kiện phát triển tốt nên chị G có đủ điều kiện và khả năng nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao 03 con chung cho chị Lê Lương Trúc G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[3.3] Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cấp dưỡng cho con. Đây là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con; do đó, không phân biệt người trực tiếp nuôi con có khả năng kinh tế hay không, người không trực tiếp nuôi con vẫn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, chị G cho rằng chị có đủ khả năng và điều kiện để nuôi con nên chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con; do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh V và chị G thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Quang V phải phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quang V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang V được ly hôn với chị Lê Lương Trúc G.

2. Về con chung: Chị Lê Lương Trúc G được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung gồm Nguyễn Lê Nhã T - sinh ngày 11/8/2013; Nguyễn Lê Nhã H - sinh ngày 07/8/2015 và Nguyễn Lê Nhã U - sinh ngày 12/10/2020. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh V và chị G trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Quang V phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án mà anh V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007153 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp; như vậy anh V đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cao Lãnh;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- CC THADS huyện Cao Lãnh;
- UBND xã Tân Nghĩa, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Trường Chinh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quốc Tiến

Võ Thị Điệp

Trương Trường Chinh